

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03/2023/DS-ST**

Ngày : 12/01/2023

V/v tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bạch Văn Trinh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Cử & Bà Nguyễn Vũ Yến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đại, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 87/2022/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2022/QĐST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Tô Thị Mỹ H**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: thôn Ng, xã S1, huyện S, tỉnh Phú Yên; có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Vợ chồng ông **Đặng Quang M**, sinh năm 1968, bà **Huỳnh Thị Lệ H**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: thôn Ng, xã S1, huyện S, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 10/10/2022 và quá trình tố tụng tại tòa án, nguyên đơn trình bày: Vào ngày 21/6/2020 dương lịch, vợ chồng ông Đặng Quang M, bà Huỳnh Thị Lệ H có mượn của tôi số tiền 25.000.000đ. Đến ngày 15/7/2020 trả số tiền 5.000.000đ và hẹn cứ mỗi tháng trả 1.000.000đ cho đến khi hết nợ. Sau đó, vợ chồng ông M, bà H trả thêm được 3.000.000đ. Tính đến ngày

30/6/2022 vợ chồng ông M, bà H đã trả cho tôi tổng số tiền 8.000.000đ. Còn lại 17.000.000đ, vợ chồng ông M, bà H không trả mặc dù tôi đã đòi nhiều lần. Nay tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Đặng Quang M, bà Huỳnh Thị Lệ H phải trả cho tôi tổng số tiền 17.000.000đ gốc và không yêu cầu tính lãi. Ngoài nội dung trên, tôi không có yêu cầu hay ý kiến khác.

Bị đơn vợ chồng ông Đặng Quang M, bà Huỳnh Thị Lệ H vắng mặt không lý do mặc dù Tòa án đã triệu tập, tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Bị đơn vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.
- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

1. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng.

2. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326. Bị đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Sự vắng mặt của các đương sự:

[1.1] Ngày 09/01/2023, Tòa án nhận được đơn đề nghị xét xử vắng mặt của nguyên đơn Tô Thị Mỹ H có xác nhận của chính quyền địa phương cùng yêu cầu buộc bị đơn trả số tiền gốc 17.000.000đ và không yêu cầu tính lãi. Do đó, việc vắng mặt của nguyên đơn không ảnh hưởng đến giải quyết vụ án nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập, niêm yết, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho vợ chồng ông Đặng Quang M, bà Huỳnh Thị Lệ H nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có yêu cầu phản tố. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Giấy đề ngày 21/6/2020 có chữ ký của xác nhận của bị đơn thể hiện “*vợ chồng H M có mượn của nguyên đơn số tiền 25.000.000đ*”. Sau đó đã trả được 8.000.000đ và hiện còn nợ 17.000.000đ. Giấy mượn tiền do hai bên ký kết hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật nên đã phát sinh hiệu lực. Căn cứ các Điều 116, 117, 385, 401, 463, 466 và khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, căn cứ các Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền 17.000.000đ.

[3] Đối với việc tính lãi trên nợ gốc tương ứng với thời gian chưa trả tiền, nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Buộc bị đơn vợ chồng ông Đặng Quang M, bà Huỳnh Thị Lệ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $17.000.000đ \times 5\% = 850.000đ$; Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 177, 179 và khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 116, 117, 385, 401, 463, 466, 468 và Điều 469 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tô Thị Mỹ H.
2. Buộc bị đơn vợ chồng ông Đặng Quang M, bà Huỳnh Thị Lệ H trả cho nguyên đơn bà Tô Thị Mỹ H số tiền 17.000.000đ về khoản: Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Án phí: Buộc bị đơn vợ chồng ông Đặng Quang M, bà Huỳnh Thị Lệ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 850.000đ.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Tô Thị Mỹ H 425.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0002882 ngày 17/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện S.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên (01);
- VKSND huyện S (02);
- Chi cục THADS huyện S (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu án văn, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bạch Văn Trinh